

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/HS-ST
Ngày 25-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Bà Ngô Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2018/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2018/HSST-QĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Tăng Năng D; sinh năm 1999 tại Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Đội 3, thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: Không có nơi cư trú rõ ràng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Năng T, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị S, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku từ ngày 13/02/2018 cho đến nay (Có mặt).

2. Nguyễn Văn D; sinh năm 1999 tại Gia Lai; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: Không có nơi cư trú rõ ràng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku từ ngày 11/02/2018 cho đến nay (Có mặt).

*** Người bị hại:** Chị Ngô Thị L, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường T, tổ 12, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Tăng Năng T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Đội 3, thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai

*** Người làm chứng:**

-Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Anh Trần Đức T, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, tổ 12, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10 tháng 02 năm 2018, Tăng Năng D điều khiển xe mô tô biển số 81N1-136.08 chở Nguyễn Văn D đi từ xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai đến thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Khi đến thành phố Pleiku, Tăng Năng D và Nguyễn Văn D đến thuê phòng ở tại khách sạn Hùng Vương số 02 đường Lê Lợi, thành phố Pleiku. Đến khoảng 14 giờ ngày 11 tháng 02 năm 2018, Tăng Năng D và Nguyễn Văn D đến siêu thị Co.op mart mua mỗi người 01 dao dài 19,5cm và cất giữ trong người để phòng thân, rồi cả hai đi về khách sạn. Khi về khách sạn, Tăng Năng D nói với Nguyễn Văn D: “*Anh với mày giết túi xách kiếm tiền tiêu xài*”, Nguyễn Văn D đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Tăng Năng D điều khiển xe mô tô biển số 81N1-136.08 chở Nguyễn Văn D đi đến khu vực ngã tư đường Nguyễn Đức Cảnh - Phan Đình Giót, thành phố Pleiku, đoạn gần siêu thị Co.op mart thì dừng xe lại. Lúc này, Nguyễn Văn D ngồi trên xe mô tô, còn Tăng Năng D đứng trước đầu xe mô tô và nói Nguyễn Văn D là dùng khẩu trang che biển số xe mô tô lại để khỏi bị nhìn thấy biển số xe và chờ xem ai đi ngang qua có tài sản dễ sơ hở thì giật. Nguyễn Văn D đồng ý và lấy khẩu trang y tế che biển số xe lại. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn D nhìn thấy chị Ngô Thị L đang đi bộ trên đường Phan Đình Giót và có cầm 01 túi xách da màu nâu nên Nguyễn Văn D bám vào tay Tăng Năng D và đưa mặt về phía chị L để chỉ cho Tăng Năng D biết. Tăng Năng D hiểu ý là giật túi xách của chị L nên gật đầu và nói Nguyễn Văn D nổ máy xe mô tô sẵn để sau khi giật được túi xách thì Nguyễn Văn D chở Tăng Năng D tẩu thoát. Khi chị L đi qua Tăng Năng D và Nguyễn Văn D khoảng 04 mét thì Tăng Năng D đi bộ từ phía sau đến sát gần, dùng hai tay giật chiếc túi xách của chị L rồi bỏ chạy về phía đường Nguyễn Đức Cảnh, theo hướng

đến đường Nguyễn Bá Lân, thành phố Pleiku. Chị L truy hô: “*Cướp, cướp*”. Ngay lúc này, Nguyễn Văn D điều khiển xe chạy đến để chở Tăng Năng D tẩu thoát thì Nguyễn Văn D bị người dân chặn lại bắt giữ rồi trình báo Công an phường Hoa Lư đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn D và thu giữ tang vật gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 81N1-13608; 01 dao dài 19,5cm (lưỡi bằng sắt dài 9cm, cán bằng nhựa màu đen dài 10,5cm); 01 ví da màu đen kích thước (19 x 9)cm không rõ nhãn hiệu, bên trong có 1.243.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 giấy phép lái xe mang tên Tăng Năng D. Sau đó, Công an phường Hoa Lư đã chuyển Nguyễn Văn D cùng các tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku để điều tra, xử lý.

Đối với Tăng Năng D, sau khi giật được túi xách của chị L thì chạy về khách sạn Hùng Vương. Khi về khách sạn, Tăng Năng D lấy túi xách đã giật được ra kiểm tra, thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 2; 03 tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ có mệnh giá 100USD; 6.240.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 81P4-0234; 02 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Ngô Thị L. Sau đó, Tăng Năng D đi đến tiệm vàng (không rõ tiệm nào) trên địa bàn thành phố Pleiku, bán đổi 300USD được 6.700.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, rồi quay lại khách sạn Hùng Vương đợi Nguyễn Văn D nhưng không thấy Nguyễn Văn D quay về nên ngày 12 tháng 02 năm 2018, Tăng Năng D thanh toán tiền khách sạn rồi đón xe đi về huyện K, tỉnh Gia Lai. Tổng số tiền giật được và số tiền bán đổi 300USD, tổng cộng 12.940.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tăng Năng D đã chi tiêu hết 940.000đ, còn lại 12.000.000đ. Đến ngày 13 tháng 02 năm 2018, Tăng Năng D đến Công an thành phố Pleiku đầu thú và giao nộp tang vật, gồm: 12.000.000 đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 túi xách màu nâu kích thước (12,5 x 21,5)cm; 01 giấy đăng ký xe 81P4-0234; 02 thẻ ATM; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Ngô Thị L mà Tăng Năng D và Nguyễn Văn D đã giật được của Chị L. Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 2, Tăng Năng D đã làm rơi mất không rõ ở đâu nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá số 84 ngày 10/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận:

“- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 2, màu trắng, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 11/02/2018, hiện chưa thu hồi được, sau khi trừ khấu hao thì giá trị còn lại của tài sản là 550.000 đồng.

- 03 tờ tiền đô la Mỹ, mỗi tờ có mệnh giá 100USD, bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 11/02/2018, hiện chưa thu hồi được, có giá trị 6.810.000 đồng/300USD.

- 01 chiếc túi xách bằng da màu nâu, kích thước (12,5 x 21,5)cm, mua vào năm 2015, bị chiếm đoạt tại thời điểm ngày 11/02/2018, hiện đã thu hồi được, sau khi trừ khấu hao thì giá trị còn lại của tài sản là 100.000 đồng”.

Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại cho chị Ngô Thị L, gồm: 01 túi xách da màu nâu, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 81P4-0234, 02 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Ngô Thị L.

Chị Ngô Thị L khai: Số tiền mặt để trong túi xách da bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, bị cáo Tăng Năng D chỉ thừa nhận trong túi xách da mà bị can giật được chỉ có 6.240.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với chiếc ví da màu đen kích thước (19 x 9)cm không rõ nhãn hiệu bên trong có một giấy phép lái xe mang tên Tăng Năng D và 1.243.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - đây là tài sản của bị cáo Tăng Năng D. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Tăng Năng D đã đưa cho Nguyễn Văn D cất giữ dùm, không liên quan đến hành vi phạm tội. Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Tăng Năng D đề nghị được giao lại cho ông Tăng Năng T (là cha của bị cáo Tăng Năng D) quản lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại cho Tăng Năng T chiếc ví da và giấy phép lái xe mang tên Tăng Năng D. Riêng 1.243.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển theo vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81N1-136.08 xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe này là ông Tăng Năng T. Ông T cho Tăng Năng D mượn để làm phương tiện đi lại. Việc Tăng Năng D sử dụng chiếc xe trên để đi thực hiện hành vi phạm tội thì ông T không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại cho ông T.

Về dân sự: Tại phiên tòa người bị hại Ngô Thị L yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 13.700.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 94/CTr-VKS ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm

sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố Tăng Năng D và Nguyễn Văn D về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng khoản 1 Điều 171 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Năng D từ 36 đến 42 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 171 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 24 đến 30 tháng tù, về tội Cướp giật tài sản.

*Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Buộc các bị cáo bồi thường cho người bị hại Ngô Thị L, số tiền 13.700.000đ, trả cho chị L số tiền 13.243.000đ đã thu giữ của các bị cáo trước đây; các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 457.000đ; trong đó mỗi bị cáo 228.500đ.

Đối với con dao dài 19,5cm thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D tịch thu tiêu hủy.

Trước khi HĐXX nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Tăng Năng D: Bị cáo xin lỗi người bị hại, biết mình phạm tội, việc làm của bị cáo là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với xã hội.

Bị cáo Nguyễn Văn D: Bị cáo xin lỗi người bị hại, trong thời gian tạm giam bị cáo đã suy nghĩ rất nhiều, rất ân hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ tội cho bị cáo, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Tăng Năng D và Nguyễn Văn D tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/02/ 2018, tại khu vực ngã tư đường Phan Đình Giót và đường Nguyễn Đức Cảnh, thuộc Tổ 3, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Tăng Năng D và Nguyễn Văn D đã có hành vi giật tài sản của chị Ngô Thị L, gồm: 01 chiếc túi xách da trị giá 100.000đ, 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy Note 2 có trị giá 550.000đ; 300USD và 6.240.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt là 13.700.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng một số giấy tờ. Ngay sau đó, Nguyễn Văn D bị bắt quả tang. Ngày 13/02/2018, Tăng Năng D ra đầu thú. Mặc dù người bị hại khai bị mất số tiền mặt 10.000.000đ, nhưng các bị cáo chỉ thừa nhận là 6.240.000đ, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên chỉ có cơ sở xác định các bị cáo đã chiếm đoạt của chị L số tiền mặt Việt Nam đồng là 6.240.000đ.

Hành vi giật tài sản rồi nhanh chóng chiếm đoạt của Tăng Năng D và Nguyễn Văn D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Ngô Thị L, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[2] Xét thấy đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, thông thường, giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ một cách chặt chẽ, rõ ràng; trong vụ án này Tăng Năng D là người khởi xướng, Nguyễn Văn D tiếp nhận ý chí trực tiếp thực hiện tội phạm. Tăng Năng D và Nguyễn Văn D là người đã thành niên, có khả năng lao động nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không chịu tìm kiếm thu nhập chính đáng, hợp pháp đã thực hiện hành vi phạm tội. Đối với Tăng Năng D là người đã bị kết án về tội Gây rối trật tự công cộng, nhưng khi bị kết án về tội ít nghiêm trọng bị cáo chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự sẽ không tính là có án tích để xác định tái phạm mà chỉ xem xét nhân thân không tốt. Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, giao nộp số tiền 12.000.000đ để bồi thường cho người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ tội cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tại phiên tòa giữa các bị cáo và người bị hại thống nhất về mức bồi thường 13.700.000đ; số tiền đã nộp trong quá trình điều tra 13.243.000đ trả cho chị Ngô Thị L, các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường cho chị L số tiền 457.000đ; trong đó mỗi bị cáo 228.500đ.

Vật chứng Cơ quan Điều tra đã xử lý trong quá trình điều tra là phù hợp, HĐXX sẽ không đề cập đến trong phần quyết định.

Đối với con dao dài 19,cm Nguyễn Văn D cầm theo để phòng thân đã thu giữ cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Tăng Năng D** và **Nguyễn Văn D** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

-Áp dụng Khoản 1 Điều 171; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Tăng Năng D** - 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (13/02/2018).

-Áp dụng Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38, 50, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** - 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (11/02/2018).

-Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại: Các bị cáo **Tăng Năng D** và **Nguyễn Văn D** bồi thường cho chị **Ngô Thị L** số tiền 13.700.000đ, trừ đi số tiền các bị cáo đã giao nộp 13.243.000đ; các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường số tiền 457.000đ; trong đó mỗi bị cáo là 228.500đ (Hai trăm hai tám nghìn năm trăm đồng).

Chị **Ngô Thị L** được nhận số tiền 13.243.000đ các bị cáo giao nộp trong quá trình điều tra đã chuyển giao sang Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

-Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao dài 19,5cm (lưỡi bằng sắt dài 9cm, cán bằng nhựa

màu đen)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pleiku, ngày 12/6/2018)

- Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Tăng Năng D và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Tăng Năng D và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Công an thành phố Pleiku;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến